

Số: 251/BC-HNDT

Bình Phước, ngày 4 tháng 5 năm 2018

BÁO CÁO

Đánh giá Kết luận số 124-KL/HNDTW và sơ kết chương trình phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh, giai đoạn (2013-2018)

Thực hiện Công văn số: 3913/HNDTW, ngày 02/4/2018 của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam về việc báo cáo đánh giá kết luận số 124-KL/HNDTW ngày 23/02/2011 và sơ kết chương trình phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh giai đoạn 2013-2018; Hội Nông dân tỉnh Bình Phước báo cáo kết quả công tác phối hợp cùng Ban Dân tộc tỉnh triển khai thực hiện công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh đạt được những kết quả trên các mặt như sau:

I. Đặc điểm tình hình chung

Bình Phước là tỉnh miền núi thuộc khu vực miền Đông Nam bộ, có diện tích tự nhiên là 6.871,543 km², nằm trong vùng trọng điểm kinh tế phía Nam, là cửa ngõ, cầu nối của vùng Đông Nam bộ với Tây nguyên và Campuchia; có đường biên giới dài hơn 260,43 km; có 08 huyện, 03 thị xã với 111 xã, phường, thị trấn. Hiện nay, tỉnh còn 10 xã, 51 thôn đặc biệt khó khăn, thụ hưởng Chương trình 135 giai đoạn 2017-2020. Dân số toàn tỉnh là 962.482 người, trong đó có 40 dân tộc thiểu số với 43.176 hộ - 193.860 người, chiếm 20,14% dân số toàn tỉnh; Cụ thể: S'Tiêng 19.920 hộ, 89.543 người; Tày 6.806 hộ, 30.560 người; Nùng 5.662 hộ, 25.423 người; Khmer 3.802 hộ, 17.070 người; Hoa 2.385 hộ, 10.707 người; Mnông 2.098 hộ, 9.423 người; Mường 606 hộ, 2.721 người; Hmông 143 hộ, 642 người; Chăm 162 hộ, 623 người; Dân tộc khác 1.592 hộ, 7.148 người.

Địa bàn biên giới của tỉnh là vùng sâu, vùng xa, gồm 15 xã biên giới, thuộc 03 huyện: Lộc Ninh, Bù Đốp, Bù Gia Mập. Dân số là 28.136 hộ - 115.638 người, với 18 dân tộc cùng sinh sống; trong đó, DTTS có 8.264 hộ - 32.207 khẩu, chiếm 27,85%; cụ thể: S'Tiêng 4.409 hộ, 18.769 người; Khmer 1.016 hộ, 4.203 người; Mnông 282 hộ, 1.218 người; Tày 850 hộ, 3.153 người; Nùng 992 hộ, 3.969 người; Mường 178 hộ, 656 người; Hoa 250 hộ, 903 người; Dao 83 hộ, 437 người; Thái 273 hộ, 986 người; Chơ Ro 02 hộ, 07 người; Sán Dìu 02 hộ, 06 người; Chăm 15 hộ, 21 người; Châu Mạ 07 hộ, 24 người; Ê Đê 02 hộ, 08 người; Cao Lan 32 hộ, 121 người; H'Rê 01 hộ, 01 người

1. Một số đặc điểm về điều kiện tự nhiên, địa bàn cư trú của DTTS

Tuy là một tỉnh miền núi, nhưng Bình Phước có địa hình tương đối bằng so với các tỉnh miền núi khác trong cả nước, rất thuận lợi cho việc bố trí sử dụng đất; nằm trong vùng có khí hậu nhiệt đới gió mùa cận xích đạo, có nền nhiệt cao đều quanh năm, ít gió bão, không có mùa đông lạnh, rất thuận lợi cho sử dụng đất và sản xuất các cây trồng nhiệt đới.

Bình Phước nằm trong vành đai có lượng mưa cao nhất vùng Đông Nam bộ, nhưng phân hóa theo mùa, chi phối mạnh mẽ đến sản xuất nông nghiệp, mùa mưa rất tập trung, chiếm 85-90% lượng mưa của năm nên xảy ra quá trình xói mòn, rửa trôi rất mạnh; là thượng nguồn, nơi duy trì nguồn nước và xây dựng các công trình thủy lợi lớn, nhưng khả năng cung cấp nước tưới cho nông nghiệp rất hạn chế nên tinh ưu tiên bố trí các cây trồng không tưới hoặc ít cần tưới là cần thiết.

Trên địa bàn tỉnh có 04 sông lớn: Sông Bé, Sông Sài Gòn, Sông Đồng Nai, Sông Măng; hệ thống sông suối tương đối nhiều, lòng sông hẹp, dốc, lũ lớn trong mùa mưa và khô kiệt trong mùa khô. Vì vậy, khả năng cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp rất ít. Muốn sử dụng được nguồn nước này cho sản xuất nông nghiệp cần phải đầu tư rất cao. Nguồn nước ngầm không nhiều, cho nên chỉ khai thác nguồn nước này cho sinh hoạt, hạn chế khai thác cho sản xuất nông nghiệp.

Các dân tộc thiểu số (DTTS) của tỉnh cư trú đan xen trên địa bàn 107/111 xã, phường, thị trấn; đa số cư trú ở vùng giáp ranh các tỉnh Tây Nguyên, biên giới, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, địa bàn có vị trí đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế, an ninh, quốc phòng và môi trường sinh thái; các dân tộc nơi đây sinh sống đan xen, đoàn kết, tôn trọng, giúp đỡ nhau cùng phát triển. Mỗi dân tộc đều có văn hóa truyền thống riêng về ngôn ngữ, phong tục, tập quán, lễ hội,... tạo nên bản sắc đặc trưng của từng dân tộc, bên cạnh đó có sự giao thoa và ảnh hưởng lẫn nhau góp phần làm bức tranh văn hóa tỉnh Bình Phước thống nhất phong phú, đa dạng.

Một số hộ DTTS sinh sống dọc theo biên giới như: STiêng, Khmer, M'ông có mối quan hệ thân tộc, dòng họ lâu đời với người dân Campuchia đối diện; họ thường xuyên qua lại thăm thân nhân, mua bán trao đổi hàng hóa với nhau, luôn đoàn kết, giàu lòng yêu nước, có truyền thống cách mạng trong đấu tranh giành độc lập dân tộc, cũng như trong xây dựng quê hương, đất nước hiện nay.

2. Hội Nông dân tỉnh triển khai thực hiện Chương trình phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh

Là một tỉnh miền núi, biên giới, có đông đồng bào dân tộc thiểu số cư trú (có 40 dân tộc thiểu số, chiếm khoảng 20,14% dân số của tỉnh), cho nên Hội Nông dân các cấp luôn đặc biệt quan tâm đến vấn đề dân tộc và công tác dân tộc trong việc tổ chức triển khai thực hiện các mặt công tác Hội và phong trào nông dân, nhất là công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động đồng bào dân tộc nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là những chính sách có liên quan đến đồng bào dân tộc và công tác dân tộc. Việc triển khai thực hiện chương trình có ý nghĩa thiết thực, hiệu quả, góp phần vào việc xoá đói, giảm nghèo cho đồng bào, tạo nên tinh thần đoàn kết thi đua giữa các dân tộc anh em. Xác định được điều đó, sau khi Trung ương Hội NDVN ban hành kết luận số 124-KL/HNDTW ngày 23/2/2011 về việc “Hội Nông dân tiếp tục tham gia phát triển kinh tế-xã hội nông thôn vùng dân tộc và miền núi khó khăn” giai đoạn 2011-2015

và ký kết chương trình phối hợp số 951/CTPH-HNDTW-UBND, ngày 11/10/2013 giữa Trung ương Hội với Ủy Ban Dân tộc về “Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nông dân các dân tộc phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2013-2020” được Hội Nông dân tỉnh và Ban dân tộc tỉnh tổ chức ký kết tổ chức triển khai thực hiện. Ban thường vụ tỉnh hội đã tổ chức quán triệt trong Ban thường vụ, BCH, đồng thời triển khai đến các Huyện, thị Hội nghiên cứu, quán triệt chỉ đạo cho cơ sở thực hiện. Bên cạnh đó Ban dân tộc tỉnh cũng đã triển khai cụ thể chương trình cho ngành dọc mình nhằm tạo ra ý thức phối hợp đồng bộ cho hai ngành ở địa phương và cơ sở.

Sau khi tổ chức nghiên cứu quán triệt CTPH giữa hai ngành, Hội Nông dân tỉnh đã xây dựng kế hoạch, hướng dẫn, chỉ đạo tổ chức thực hiện CTPH ở cấp dưới. Các chỉ tiêu hàng năm công tác Hội và phong trào nông dân đều có sự lồng ghép với công tác dân tộc ở từng địa bàn cụ thể. Đặc biệt để hỗ trợ cho đồng bào các dân tộc có điều kiện vươn lên thoát nghèo, Hội nông dân tỉnh đã tổ chức điều tra, khảo sát thực trạng tình hình đời sống, tâm tư nguyện vọng của đồng bào dân tộc để xây dựng các chương trình, mục tiêu, dự án hỗ trợ kịp thời.

II. Kết quả thực hiện chương trình phối hợp từ tháng 01/2014 - 4/2018

1. Công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động HVND các dân tộc thiểu số.

Bám sát phương hướng, nhiệm vụ hàng năm của BCH TW Hội Nông dân Việt Nam và kế hoạch hoạt động với Ban Dân tộc tỉnh, trong những năm qua các cấp Hội đã tập trung tuyên truyền triển khai cho HVND nói chung và HVND là đồng bào dân tộc nói riêng hiểu rõ và thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước với nhiều nội dung quan trọng như: Nghị quyết Đại Hội XI, XII của Đảng, Nghị quyết Đảng bộ tỉnh lần thứ IX, X, Nghị quyết Đại Hội V, VI Hội NDVN, nghị quyết 26-NQ/TW của BCH TW Đảng (khoá X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, nghị quyết Đại Hội VIII Hội Nông dân tỉnh Bình Phước, chương trình 134, 135 của Chính phủ và các chỉ thị, nghị quyết khác của Đảng, Nhà nước và chính quyền địa phương; thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW về Cuộc vận động “Học tập và làm theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh” và Chỉ thị số 05-CT/TW về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” cùng các phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu của Hội trong từng năm để hội viên quán triệt và tổ chức thực hiện. Kết quả có 12.236 cuộc, với 125.000 HVND tham dự.

Đặc biệt Hội Nông dân các cấp đã đi sâu tuyên truyền cho CB, HVND các dân tộc tham gia học tập như: Luật đất đai, Luật bảo vệ và phát triển rừng, Luật hôn nhân gia đình, Pháp lệnh dân số... đa số các đợt tuyên truyền, học tập, sinh hoạt Hội đều gắn với các hoạt động hỗ trợ phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, giúp đồng bào không ngừng phát huy truyền thống, bản sắc văn hoá dân tộc của mình.

Công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý cho hội viên nông dân được Hội đặc biệt quan tâm trong những năm qua, tỉnh Hội đã tập trung xây dựng các điểm chỉ đạo ở cơ sở, đã trang bị máy vi tính, âm thanh loa đài, tủ sách pháp luật cho cơ sở và cấp phát hơn 60.000 tờ bướm, tờ gấp, 12.000 cuốn tài liệu pháp luật; đã tổ chức tuyên truyền được 23.310 buổi với hơn 866.558 lượt người dự.

Diễn hình làm tốt công tác tuyên truyền gồm các huyện Bù Đăng, Bù Gia Mập, Lộc Ninh, Hớn Quản, Đồng Phú.... Hội các cấp đã tổ chức được 109.275 cuộc tuyên truyền, vận động đã có 2.102.875 lượt cán bộ hội viên nông dân tham dự.

Qua hơn 5 năm thực hiện Chương trình phối hợp cán bộ, hội viên nông dân dân tộc thiểu số có sự chuyển biến về nhận thức và đời sống vật chất, tinh thần ngày được nâng lên. Thông qua các hoạt động tuyên truyền, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội, nhất là cơ sở đã thu hút nông dân gắn bó với Hội, tạo nên tình đoàn kết gắn bó giữa các dân tộc anh em; chấp hành tốt các chủ trương, đường lối, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

Nhìn chung qua công tác tuyên truyền, nắm bắt tâm tư nguyện vọng của HVND cho thấy, tuyệt đại đa số đồng bào các dân tộc đều có lòng yêu nước, tin theo đảng, quyết tâm thực hiện thắng lợi các nghị quyết, thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đề ra đối với đồng bào dân tộc, không nghe theo lời kẻ xấu. Hầu hết các dân tộc đều chấp hành tốt pháp luật, các qui ước, hương ước, qui chế, qui định của chính quyền địa phương và cơ sở.

2- Nâng cao chất lượng tổ chức và hoạt động Hội ở vùng dân tộc.

Để xây dựng tổ chức Hội vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, các cấp Hội không ngừng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, phong cách, lề lối làm việc, khoa học, sâu sát cơ sở đa dạng các hình thức tập hợp nông dân, quản lý tốt hội viên. Song song với công tác phát triển hội viên là việc nâng cao chất lượng sinh hoạt và hoạt động của Ban chấp hành cơ sở, chi tổ Hội, duy trì sinh hoạt định kỳ theo quy định Điều lệ Hội. Hội Nông dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 02-NQ/HND ngày 02/01/2014 về công tác phát triển Hội viên giai đoạn 2014-2018 và Kế hoạch số 18-KH/HND ngày 28/4/2014 về củng cố tổ chức Hội Nông dân cơ sở vững mạnh giai đoạn (2014-2018) và định hướng đến năm 2020 của Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh đã hướng dẫn chi tiết nội dung sinh hoạt chi, tổ Hội được đổi mới, sát với thực tế của từng địa phương, gắn việc tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, Nghị quyết của Hội các cấp, thông tin về thời sự và giá cả thị trường cho hội viên, Hội còn gắn việc cung cấp, hỗ trợ các dịch vụ cho nông dân như: bán phân bón, máy móc, vật tư nông nghiệp với phương thức trả chậm, cho vay vốn, hướng dẫn cách làm ăn, xoá nhà tranh tre, nứa lá, góp phần xoá đói giảm nghèo; tổ chức đưa hội viên đi tham quan học tập các mô hình làm ăn có hiệu quả trong và ngoài tỉnh cũng như nước ngoài. Trong các ngày Tết cổ truyền của các dân tộc, các ngày lễ lớn của các tôn giáo như: Tết Cholchnămthmây, Sen Đolta (dân tộc Khmer), Ramadan (dân tộc Chăm)...Lễ Giáng sinh, Lễ phục sinh, Đại lễ Phật đản,...Hội các cấp tổ chức cùng các dân tộc, tín đồ tôn giáo đi chúc mừng, tặng quà, thăm hỏi, động viên gia đình hội viên người dân tộc và là tín đồ các tôn giáo Từ những việc làm trên Hội các cấp đã đem lại lợi ích thiết thực cho hội viên, nông dân, qua đó thu hút hội viên tham gia các buổi sinh hoạt chi, tổ Hội đạt trên 80% so với tổng số hội viên, nhận thức của hội viên được nâng lên. Tính đến 15/4/2018 tổng số Hội viên toàn tỉnh là 88.222, trong đó: Hội viên Dân tộc 20.147, Hội viên là tín đồ tôn giáo 19.412 HV. Hội các cấp đã xây dựng được 17.633 hội viên nòng cốt (hội viên nòng cốt là đồng bào dân tộc 2.476 người, hội viên nòng cốt

là tín đồ tôn giáo 2.611 người). Đây là lực lượng cốt cán luôn tiên phong gương mẫu trong việc thực hiện các phong trào của Hội phát động. Lực lượng cốt cán trong DTTS và trong tôn giáo đã phát huy được vai trò là cầu nối giữa Đảng, chính quyền và tổ chức Hội với đồng bào thiểu số và đồng bào có đạo, đã góp phần xây dựng và củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở, đảm bảo an ninh trật tự trong vùng Dân tộc.

Ngoài ra, tinh Hội thường xuyên chú trọng công tác giáo dục, bồi dưỡng giới thiệu cho Đảng những cán bộ, hội viên ưu tú để kết nạp vào Đảng, hàng năm đều giao chỉ tiêu phát triển đảng viên mới cho HND các cấp, đến nay số hội viên là đảng viên là 3.482 người, đồng thời có kế hoạch quy hoạch nguồn cán bộ cho hiện tại và lâu dài.

3. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở là đồng bào dân tộc.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cán bộ dân tộc luôn được Hội các cấp quan tâm, các đợt tập huấn do Hội tổ chức đều có cán bộ dân tộc tham dự, kể cả việc phân công cử đi tập huấn các lớp do Trung ương Hội tổ chức. Tổng số qua các năm thực hiện công tác bồi dưỡng, tập huấn, tinh Hội đã tổ chức được 6 lớp với hơn 120 cán bộ Hội là người dân tộc tham gia, có 25 cán bộ được cử tập huấn tại các lớp do TW Hội tổ chức.

Nhìn chung công tác đào tạo, bồi dưỡng đã tạo nên sự chuyển biến trong nhận thức của cán bộ cơ sở Hội, bổ sung được thêm nhiều kiến thức cơ bản về lý luận chính trị cũng như nghiệp vụ, kỹ năng công tác Hội và công tác vận động nông dân thực hiện các phong trào thi đua yêu nước và hành động cách mạng do Hội và chính quyền các cấp tổ chức, phát động.

4. Công tác vận động đồng bào thi đua sản xuất, phát triển kinh tế, xã hội tham gia đảm bảo quốc phòng an ninh, góp phần xây dựng nông thôn mới.

a- Phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững.

Được xác định rõ là phong trào trung tâm và mũi nhọn của Hội, do vậy hàng năm, Ban thường vụ tinh Hội đã tổ chức triển khai, xây dựng giao chỉ tiêu thi đua phấn đấu đạt danh hiệu nông dân sản xuất-kinh doanh giỏi, phát động mạnh mẽ nội dung phong trào đến từng hộ gia đình nông dân đăng ký, trong đó có 100% hội viên là đồng bào dân tộc đăng ký phấn đấu (05 năm qua có 125.000 lượt hội viên là đồng bào dân tộc đăng ký đạt danh hiệu nông dân sản xuất kinh doanh giỏi các cấp).

Bằng nhiều hình thức, biện pháp thúc đẩy phong trào, trong những năm qua Hội Nông dân các cấp cùng với việc tổ chức tổng kết phong trào ở cơ sở đã tổ chức Hội nghị biểu dương đồng bào dân tộc thiểu số làm kinh tế giỏi (đã tổ chức được 2 lần có trên 400 hội viên nông dân dân tộc SX-KD giỏi tham dự). Hội Nông dân phối hợp chặt với các ngành chức năng như: Sở Nông nghiệp&PTNT, tổ chức tập huấn trên 300 lớp chuyên giao KHKT cho trên 230.000 hội viên đồng bào tham dự; phối hợp với Ngân hàng CSXH giải ngân cho gần 10.000 hộ vay hơn 5 tỷ đồng, ký kết với các công ty phân bón mua phân trả chậm cho hội viên hơn 10.000 tấn phân các loại, 2.560 lít thuốc xịt cỏ và các loại vật tư nông nghiệp khác trị giá hơn 10 tỷ đồng giúp đỡ cho 5.650 lượt hội viên là đồng bào dân tộc có hoàn cảnh khó khăn đầu tư

vào sản xuất. Bằng sự tác động trực tiếp của Hội, 5 năm qua có hơn 6.450 lượt hội viên là đồng bào dân tộc đạt danh hiệu nông dân SX-KD giỏi các cấp, cũng thông qua phong trào này có hơn 3.000 hộ đồng bào dân tộc thoát nghèo, vươn lên làm ăn khá giàu.

Trung tâm dạy nghề và hỗ trợ nông dân Hội Nông dân tỉnh trong thời gian qua, đã tổ chức trên 383 lớp dạy nghề cho 13.405 hội viên nông dân chủ yếu là nghề chăm sóc khai thác mù cao su, thú y, kỹ thuật trồng nấm, kỹ thuật chăn nuôi và phòng trị bệnh cho heo, gà, bảo vệ thực vật, kỹ thuật trồng và ghép điều cho năng suất cao, ... đã giới thiệu giải quyết cho trên 3.563 nông dân có việc làm, trong đó có trên 60% số học viên là con em đồng bào dân tộc có việc làm và thu nhập ổn định.

b- Phong trào nông dân tham gia xây dựng nông thôn mới

Bám sát nghị quyết của Hội, hàng năm các cấp Hội thường xuyên phát động phong trào nông dân thi đua thực hiện tốt cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá" nay là phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh", xây dựng "gia đình văn hoá" gắn với công tác vận động nông dân thi đua đóng góp sức người, sức của để xây dựng nông thôn mới. Năm năm qua, Hội các cấp đã vận động 374.958 lượt hộ nông dân đăng ký thực hiện gia đình nông dân văn hoá, qua bình xét hàng năm đã có bình quân 98% hộ đạt so với hộ đăng ký. Hàng năm, Hội các cấp tổ chức nhiều hoạt động đời sống vật chất và tinh thần cho nông dân như: tổ chức Hội thi Cán bộ hội giỏi; Kiến thức nhà nông; Tuyên truyền viên giỏi; thi kể chuyện về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh...; tổ chức các giải bóng chuyền, giao lưu văn hóa, văn nghệ... tạo không khí vui tươi, phấn khởi, đẩy lên phong trào thi đua sôi nổi trên địa bàn nông thôn; duy trì hiệu quả 229 đội văn nghệ, 366 đội bóng đá, 506 đội bóng chuyền nông dân với sự tham gia thường xuyên của 8.073 hội viên. Điển hình như Hội Nông dân xã Lộc Tấn, xã Lộc Hiệp (huyện Lộc Ninh); thị trấn Tân Phú (huyện Đồng Phú); xã Nha Bích (huyện Chơn Thành).

Thực hiện công tác Hội trong vùng đồng bào dân tộc hàng năm, các cấp Hội đã phát động phong trào thi đua vận động HVND với phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm" trong vùng đồng bào dân tộc ra sức đóng góp sức người, sức của để xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn. Theo tổng hợp số liệu báo cáo các năm, HVND cư trú tại các huyện có đông đồng bào dân tộc sinh sống đã đóng góp hơn 2.560 triệu đồng, hơn 70.000 ngày công lao động sửa chữa và làm mới hàng trăm kilômét đường giao thông nông thôn, nạo vét trên 200 km kênh mương, làm mới, nâng cấp 213 cầu, cống, 150 phòng học, trạm xá, 50 giếng nước, xây dựng tặng 125 căn nhà tình thương và đóng góp xây dựng trên 200 căn nhà đại đoàn kết.

c- Phong trào nông dân tham gia đảm bảo quốc phòng, an ninh

Trong thời gian qua, các cấp Hội đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ, hội viên nông dân dân tộc về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong tình hình mới. Hội các cấp đã tổ chức 6.485 cuộc tuyên truyền, vận động, nổi bật là các chương trình nông dân tham gia phòng chống, tố giác tội phạm, ma túy, chống buôn bán phụ nữ, trẻ em. Đặc biệt Ban thường vụ Tỉnh Hội đã trực tiếp tổ chức trên 125 lớp tuyên truyền, tập huấn cho trên 2.500 cán bộ, hội viên nông cốt về

công tác phòng, chống diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch, phối hợp với Trường quân sự địa phương mở lớp đào tạo kiến thức quốc phòng cho 179 cán bộ Hội cơ sở, cung cấp trên 40.000 cuốn tài liệu về công tác bảo vệ QPAN, Hội các cấp đã xây dựng được 13.919 hội viên nông cốt. Hội Nông dân tỉnh và Bộ đội Biên phòng tỉnh phối hợp khá chặt chẽ và hiệu quả làm tốt công tác dân vận với nhiều mô hình thiết thực như: đầu tư giúp nông dân là đồng bào dân tộc trồng lúa nước ở vùng biên giới, vận động con em nông dân đến trường, thực hiện chính sách dân số, xây dựng điểm sáng vùng biên, tuần tra biên giới, vận động nông dân không vi phạm quy chế biên giới, phối hợp với chính quyền và các đoàn thể thường xuyên tham gia cùng các đoàn tăng cường xuống địa bàn để củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở. Từ kết quả trên tình hình QP-AN trên địa bàn được ổn định, nhân dân an tâm lao động phát triển sản xuất.

Cùng với các hoạt động trên, Hội Nông dân tỉnh đã phối hợp cùng Ban Dân tộc tổ chức kiểm tra, giám sát các chương trình, mục tiêu, dự án phát triển kinh tế-xã hội ở những địa bàn có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống như Hớn Quản, Bù Đăng, Bù Đốp, Bù Gia Mập, Đồng Phú với tổng vốn đầu tư hơn 1 tỷ 400 triệu đồng cho 4 dự án chăn nuôi bò sinh sản, trồng điều cao sản. Các mô hình qua kiểm tra đều đạt kết quả tốt do người nông dân biết áp dụng các tiến bộ KHKT, quá trình chọn giống được thực hiện đúng chủng loại, quá trình chăm sóc được thực hiện theo đúng qui trình của dự án.

III. Đánh giá chung

1. Những mặt mạnh, ưu điểm:

Thực hiện nội dung CTPH của hai ngành trong 5 năm qua với những nỗ lực, cố gắng chung của các cấp Hội, chương trình phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh đã vận động nông dân các dân tộc chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chung sức, chung lòng cùng nhau phát triển. Công tác củng cố, nâng cao chất lượng tổ chức hội ở cơ sở, chi, tổ hội, phát triển và nâng cao chất lượng hội viên đồng bào dân tộc được nâng lên, trình độ năng lực của đội ngũ cán bộ Hội cơ sở là người dân tộc ngày càng được khẳng định, đời sống nông dân vùng đồng bào dân tộc ngày càng phát triển; nội dung, hình thức sinh hoạt Hội luôn được tiếp tục cải tiến phù hợp, hiệu quả rõ rệt, tạo được không khí vui tươi, phấn khởi, tin tưởng của giai cấp nông dân, đồng bào dân tộc thiểu số vào sự lãnh đạo của Đảng, quản lý điều hành của nhà nước và mọi qui định của chính quyền địa phương.

2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

*** Tồn tại, hạn chế:**

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, công tác phối hợp vẫn còn bộc lộ những hạn chế, thiếu sót đó là: Công tác thông tin, trao đổi giữa 2 ngành chưa đồng bộ; công tác Hội và phong trào nông dân vùng dân tộc phát triển chưa đều ở một số địa phương; năng lực, trình độ một bộ phận cán bộ chưa đáp ứng và theo kịp yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ mới. Chất lượng sinh hoạt của một số chi, tổ Hội chưa cao, nội dung sinh hoạt chưa thiết thực. Việc nắm bắt tư tưởng của hội viên, nông dân nhất là những vùng dân tộc, tôn giáo còn có những khó khăn, vướng mắc, chưa kịp thời.

Chất lượng hoạt động của lực lượng cốt cán chưa cao; nên khi một số nơi phát sinh vấn đề phức tạp thì vai trò của lực lượng cốt cán chưa được phát huy.

*** Nguyên nhân:**

- Do tình có địa bàn rộng, đi lại khó khăn, nhất là vào mùa mưa, dân cư sinh sống không tập trung, trình độ nhận thức của đồng bào dân tộc còn thấp, còn lạc hậu cho nên cũng ảnh hưởng không nhỏ đến công tác tuyên truyền, vận động.

- Công tác tham mưu của Hội các cấp với cấp ủy Đảng, Chính quyền còn hạn chế, công tác phối hợp chưa cụ thể, từng đoàn thể hoạt động riêng lẻ theo hướng dẫn của Hội cấp trên nên triển khai CTPH thực hiện chưa đồng bộ.

- Công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục vẫn còn chưa đều khắp, đặc biệt việc chuyển tải thông tin đến vùng sâu, vùng xa rất hạn chế; đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên truyền của Hội còn thiếu, yếu chưa đáp ứng nhiệm vụ được giao, kinh phí dành cho công tác tuyên truyền, vận động không nhiều do ngân sách hàng năm được phân bổ quá ít so với nhiệm vụ đề ra.

- Lực lượng cốt cán luôn biến động, trình độ học vấn và chuyên môn thấp chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, còn một số cán bộ Hội thiếu nhiệt tình, thiếu sự năng động, chưa bao quát được những vấn đề về dân tộc, tôn giáo mới phát sinh nhất là ở cơ sở.

- Điều kiện làm việc, kinh phí cho Hội chủ động tổ chức các hoạt động và phong trào Hội còn khó khăn, không đảm bảo. Nhiều nội dung không được tiến hành sơ tổng kết rút kinh nghiệm đã ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả hoạt động của Hội.

3. Bài học kinh nghiệm:

- Thứ nhất, cấp ủy, tổ chức đảng và chính quyền các cấp phải cụ thể hóa Nghị quyết của Đảng thành những chính sách, chương trình hành động, kế hoạch cụ thể, đồng bộ và thống nhất. Trong quá trình thực hiện cần có sự phân công, phân cấp, làm rõ trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, các ban ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

- Thứ hai, thường xuyên quan tâm tới công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động đồng bào, nắm chắc diễn biến tâm tư, tình cảm, nguyện vọng, bức xúc... của đồng bào, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, giải quyết tốt những bức xúc của đồng bào, nêu cao ý thức tự lực, tự cường và tạo lập niềm tin cho đồng bào.

- Thứ ba, để giải quyết cơ bản vấn đề đói nghèo, các địa phương cần quan tâm làm tốt công tác quy hoạch, bố trí sắp xếp dân cư, thực hiện phát triển sản xuất bền vững. Lòng ghép các nguồn vốn để đầu tư có trọng điểm, xây dựng các mô hình về phát triển sản xuất, bảo vệ môi trường.

- Thứ tư, coi trọng công tác xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số. Xây dựng lực lượng cốt cán, phát huy vai trò của những người có uy tín trong cộng đồng dân tộc thiểu số như già làng, trưởng thôn, bản, trưởng dòng họ, chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người dân tộc thiểu số.

- Thứ năm, tập trung nguồn lực đầu tư cho vùng dân tộc thiểu số, ưu tiên phát triển nguồn nhân lực, nâng cao dân trí gắn với đào tạo, dạy nghề, tạo việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số.

IV. Phương hướng, nhiệm vụ thực hiện CTPH trong thời gian tới

- Tiếp tục thực hiện Kết luận 124-KL/HNDTW, ngày 23/2/2011 của Ban Thường vụ Trung ương Hội và Chương trình phối hợp số 951 giữa Trung ương Hội Nông dân Việt Nam với Ủy ban Dân tộc được cụ thể hóa bằng CTPH số 27/CTPH-BDT-HNĐT, ngày 31/3/2016 giữa Hội Nông dân và Ban Dân tộc tinh về việc “*tăng cường công tác tuyên truyền, vận động quần chúng vùng đồng bào dân tộc thiểu số thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, giai đoạn 2016-2020*”.

- Tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ chính trị của Hội, của địa phương, giúp cho đồng bào dân tộc thông suốt và chấp hành tốt không vi phạm pháp luật..

- Tập trung củng cố xây dựng tổ chức Hội trong vùng dân tộc, tôn giáo ngày càng vững mạnh.

- Đẩy mạnh công tác hỗ trợ, tư vấn và các nguồn vốn đầu tư cho đồng bào dân tộc phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, xóa đói, giảm nghèo và làm giàu, xây dựng nông thôn mới.

- Xây dựng lực lượng cốt cán trong vùng đồng bào dân tộc, giữ vững ổn định chính trị, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; cùng cố quốc phòng an ninh làm thất bại âm mưu của các thế lực thù địch lợi dụng chính sách dân tộc, tôn giáo nhằm chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc.

- Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ Hội làm công tác dân tộc, và cử cán bộ từ tỉnh đến cơ sở tham gia các lớp do Trung ương và tỉnh tổ chức nhằm Đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao.

Trên đây là báo cáo kết quả 5 năm thực hiện CTPH giữa Hội Nông dân với Ban Dân tộc tinh giai đoạn (2014-2018), xin báo Ban Thường vụ Trung ương Hội (qua Ban Dân tộc, Tôn giáo, Quốc Phòng, An ninh) nắm để báo cáo Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam.

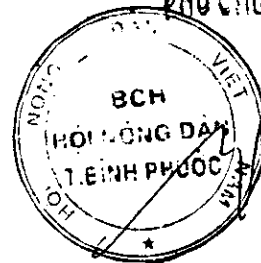
Nơi nhận:

-Ban DT,TG- QP, AN TW Hội (b/cáo)

-Lưu BTG+VT.

T/M BAN THƯỜNG VỤ

PHÓ CHỦ TỊCH



Phó Khắc Nguyễn